

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung

Ngày 31/03/2025	49,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.9%	4.8%	5.7%

DT thuần Q1/25	83.5
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 1.20 1.4%
	YoY: ▲ 6.60 8.5%

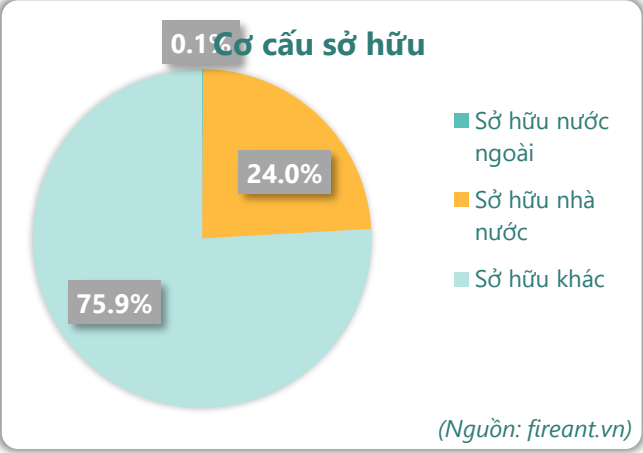
LN thuần Q1/25	57.2
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 4.80 9.2%
	YoY: ▲ 3.10 5.8%

LN sau thuế Q1/25	48.5
tỷ VNĐ	QoQ: ▲ 3.80 8.4%
	YoY: ▲ 2.00 4.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25	68.6%
	YoY: +/-▲ 4.3%

ROE (TTM) Q1/25	17.6%
	YoY: +/-▼ 0.3%

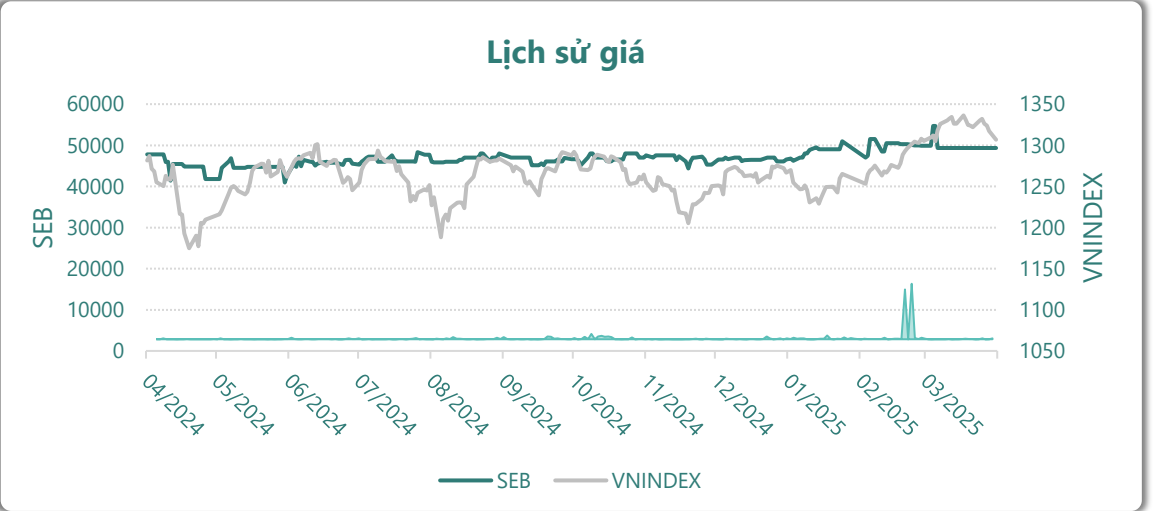
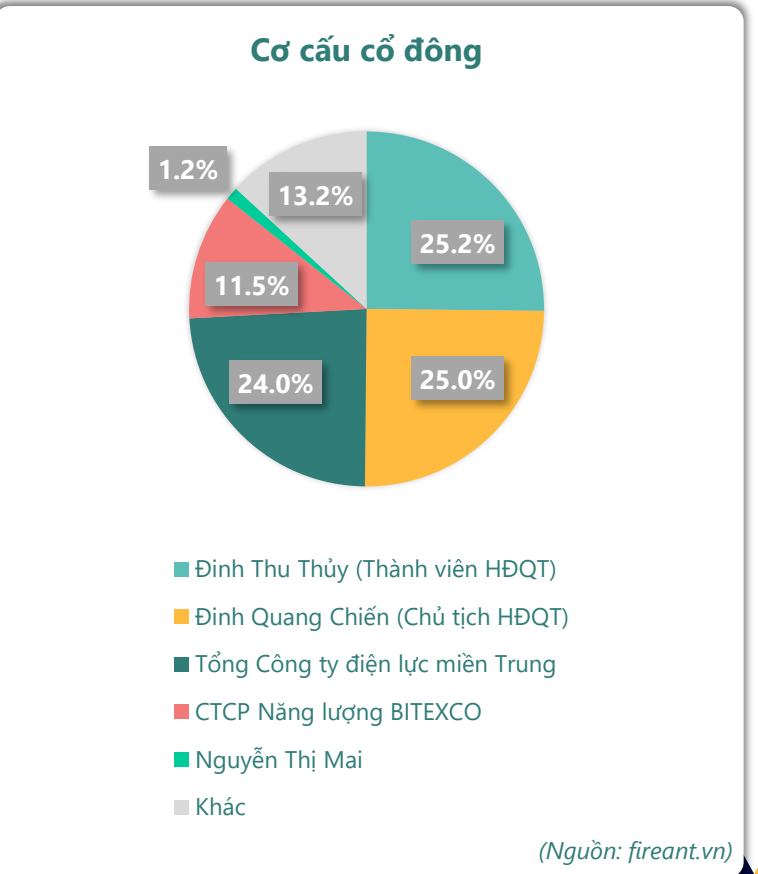
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	40,946 - 54,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,578
Số lượng CPLH (CP)	31,999,969
KLGD BQ 20 phiên (CP)	400
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	3,748
P/E	13.2



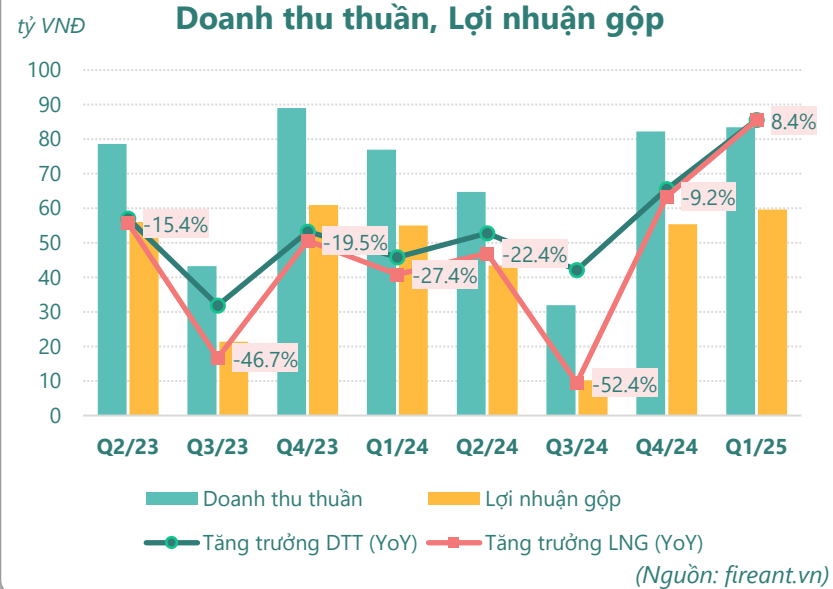
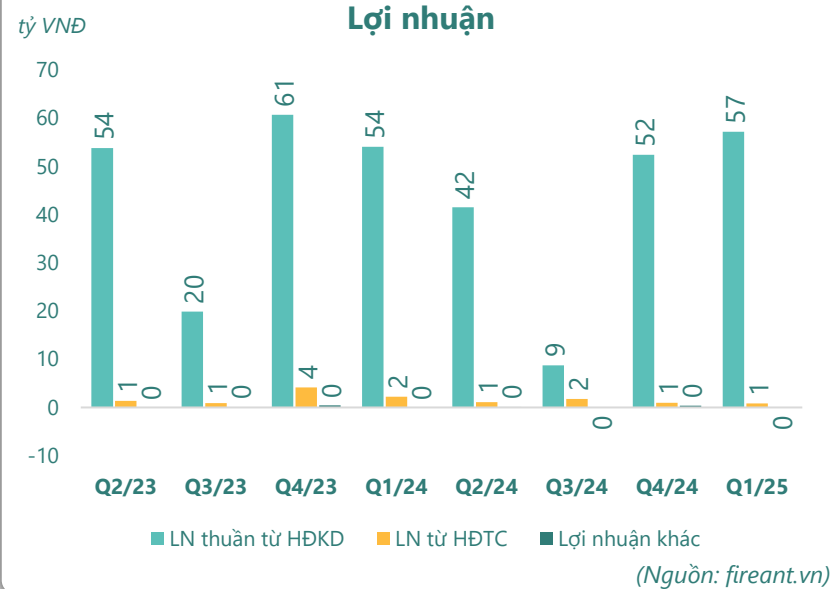
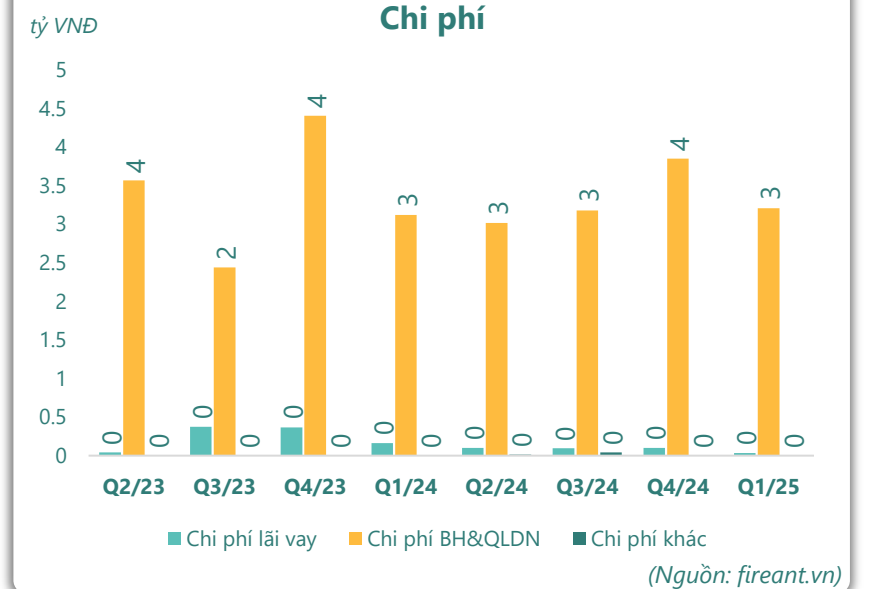
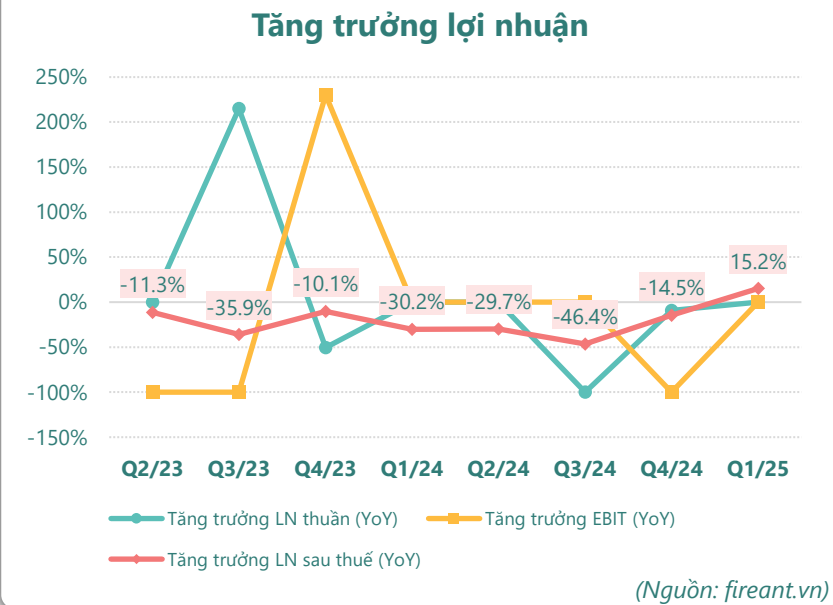
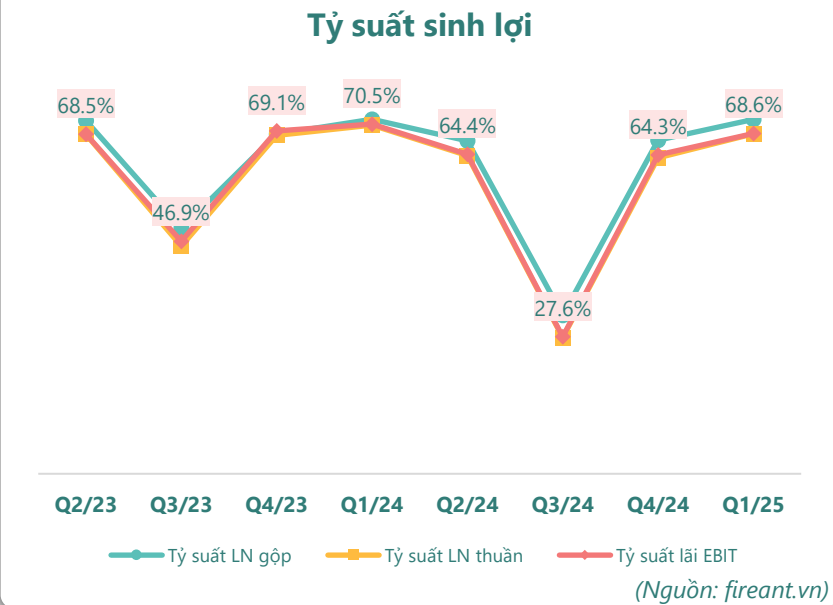
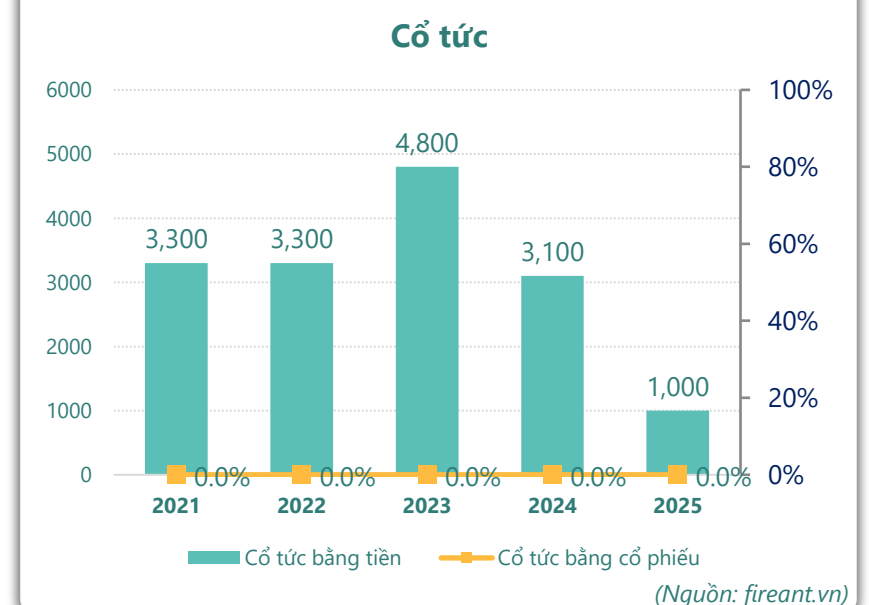
DT thuần 2024	256
tỷ VNĐ	YoY: ▼55.0 -17.8%

LN thuần 2024	157
tỷ VNĐ	YoY: ▼51.0 -24.4%

LN sau thuế 2024	134
tỷ VNĐ	YoY: ▼41.0 -23.9%



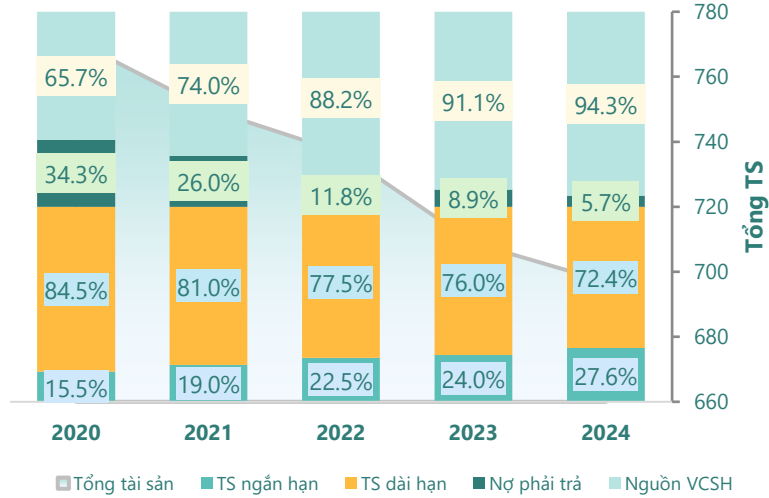
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

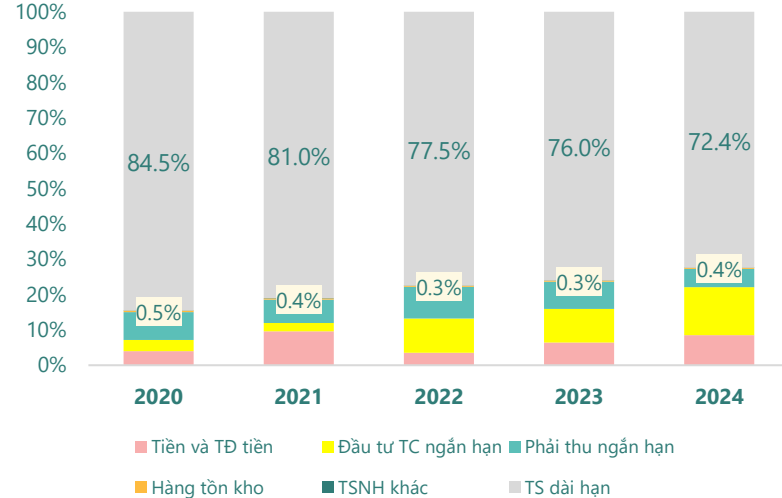
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

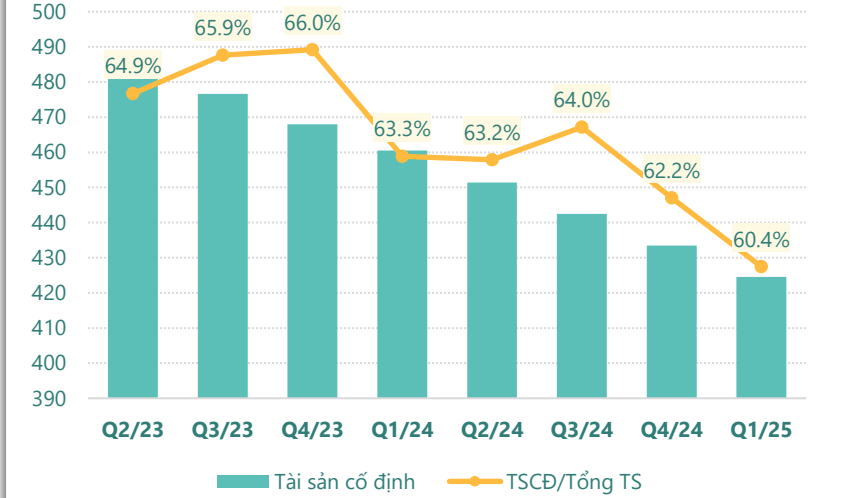
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

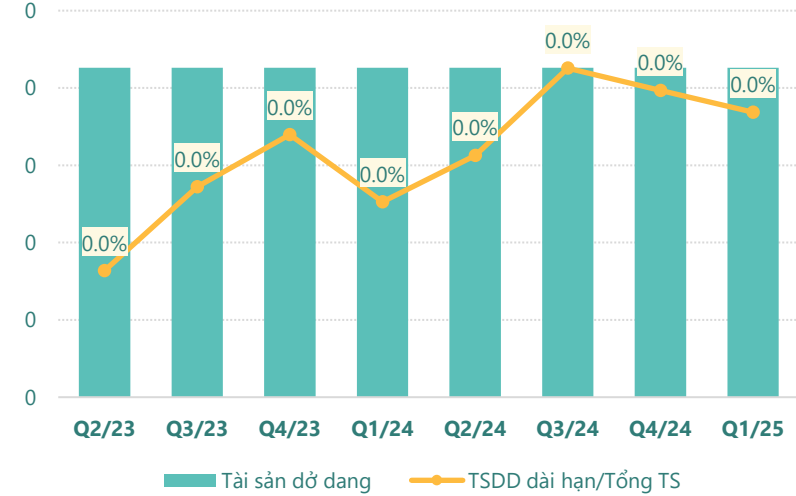
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

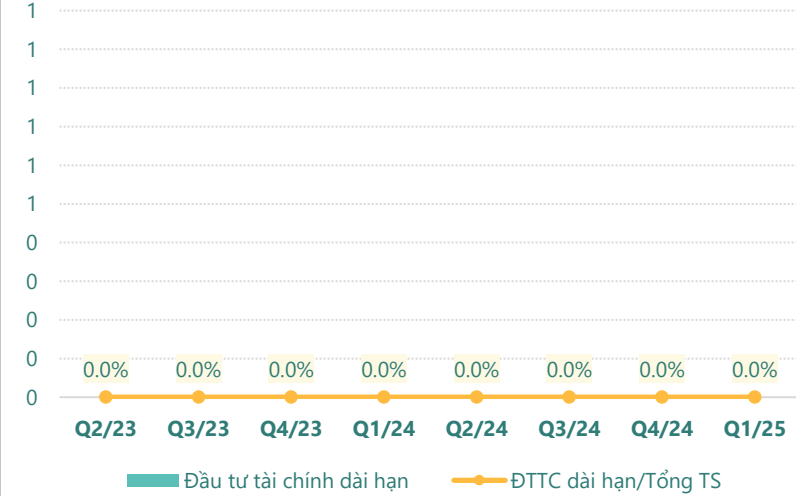
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

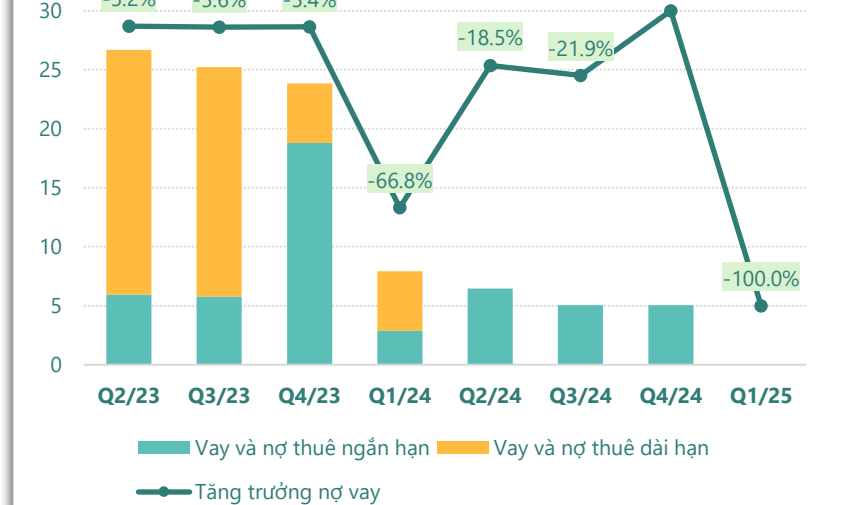
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

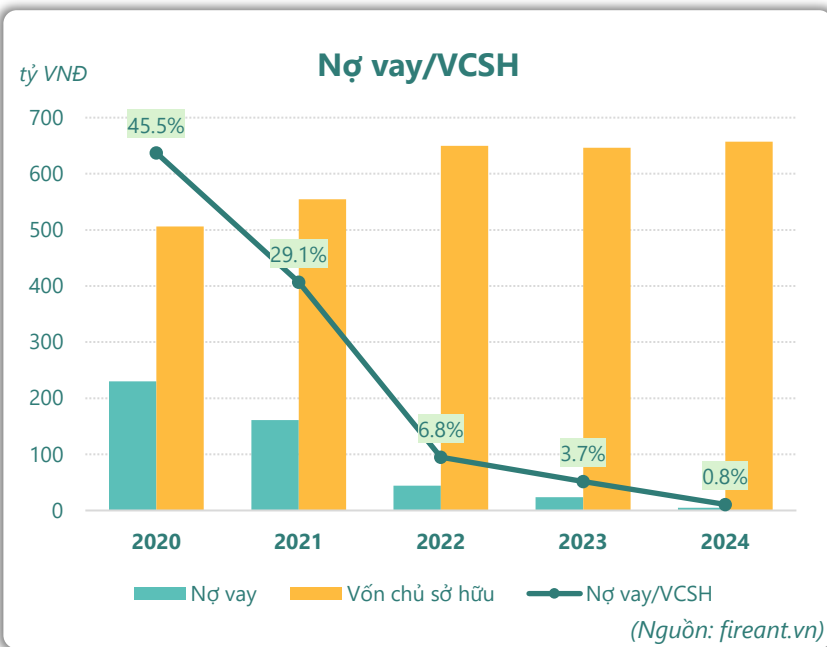
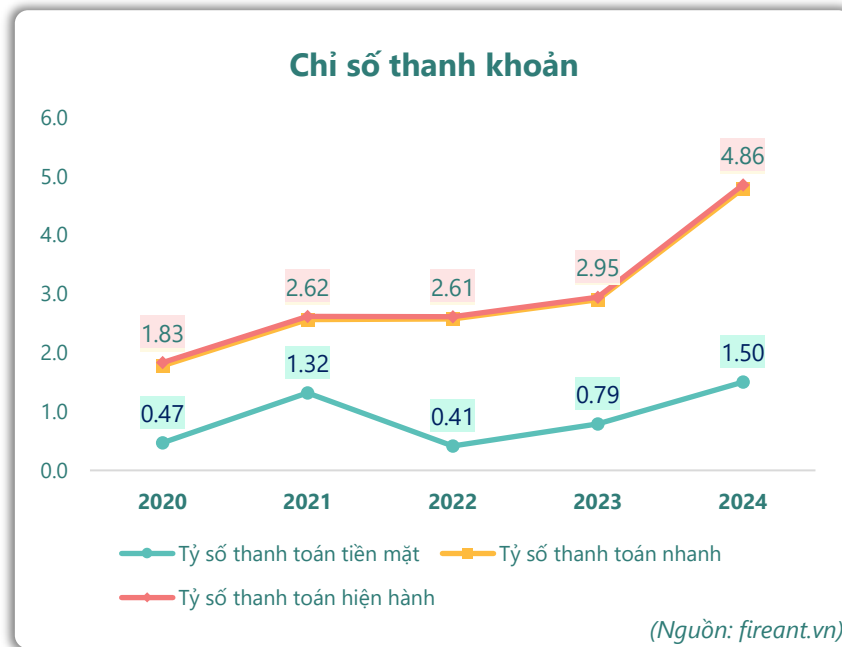
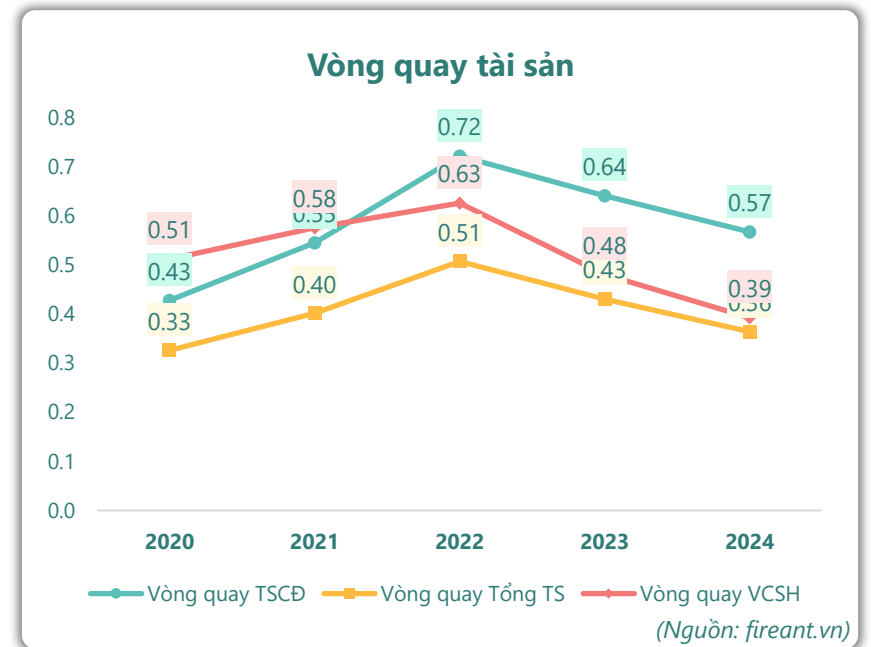
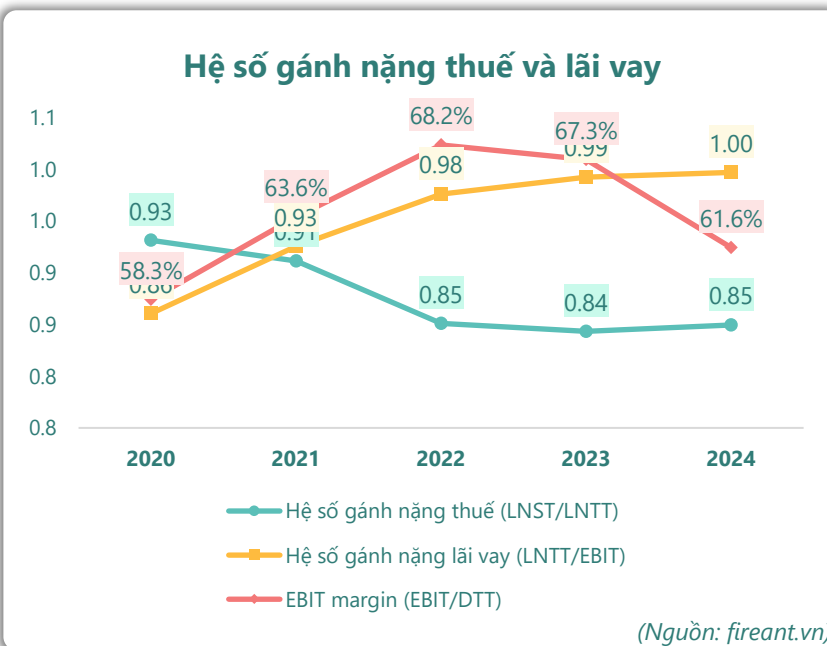
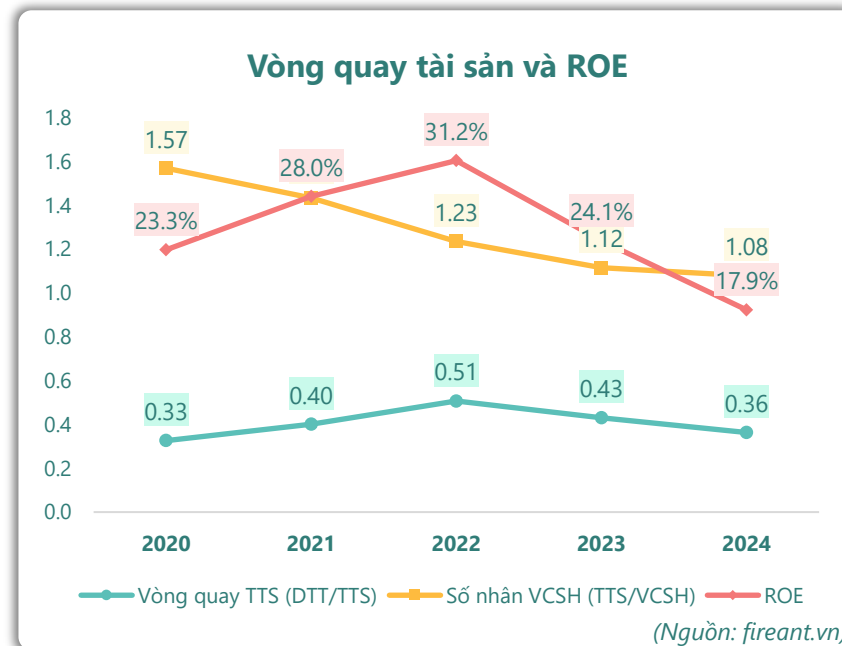
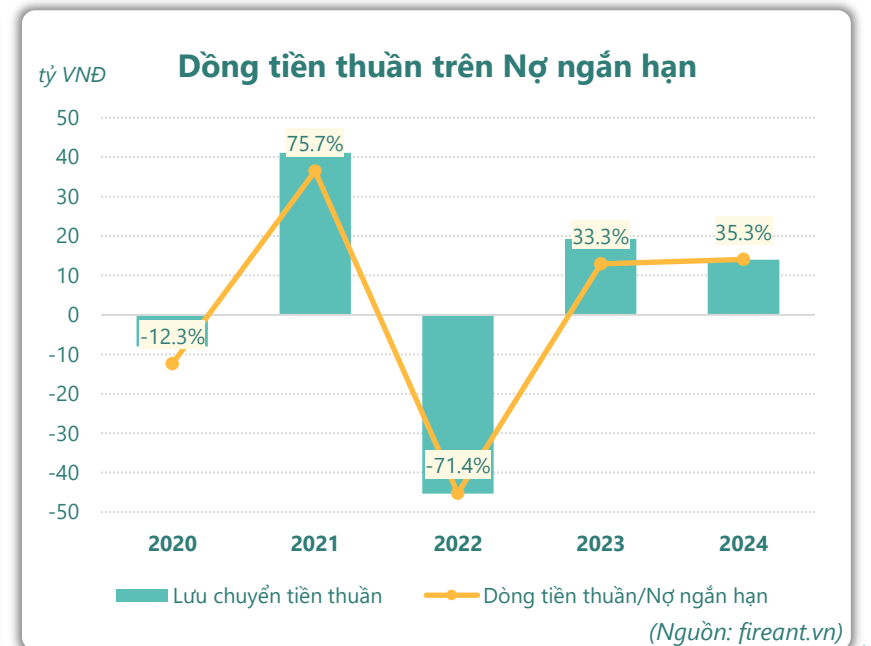
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	83.5	76.9	8.5%	256	311	-17.8%
Giá vốn hàng bán	23.8	21.9	8.8%	91.8	97.2	-5.5%
Lợi nhuận gộp	59.6	55.0	8.4%	164	214	-23.4%
Doanh thu HĐTC	0.84	2.40	-64.8%	6.58	8.66	-24.1%
Chi phí TC	0.03	0.19	-81.7%	0.61	1.75	-65.1%
Chi phí lãi vay	0.03	0.16	-78.3%	0.46	1.54	-70.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	3.21	3.12	2.9%	13.2	13.5	-2.7%
LN thuần từ HĐKD	57.2	54.1	5.8%	157	208	-24.4%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		0.41	0.44	-6.3%
LN trước thuế	57.2	54.1	5.8%	157	208	-24.4%
Lợi nhuận sau thuế	48.5	46.5	4.2%	134	175	-23.9%
LNST của CĐ cty mẹ	43.0	40.0	7.5%	117	156	-25.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.3	42.4	47.6	27.9	50.8	25.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	62.5	-20.5	-20.6	-13.4	32.5	-20.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-73.7	-15.9	-49.5	-20.6	-46.7	-37.0
Tiền đầu kỳ	9.52	45.6	51.6	29.1	23.0	59.6
Lưu chuyển tiền thuần	36.0	5.99	-22.5	-6.07	36.6	-32.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.6	51.6	29.1	23.0	59.6	27.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	703	697	0.8%
Tài sản ngắn hạn	209	193	8.3%
Tiền và tương đương tiền	27.2	59.6	-54.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116	94.2	23.1%
Phải thu ngắn hạn	62.9	36.2	73.9%
Hàng tồn kho	2.48	2.49	-0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.31	0.26	17.3%
Tài sản dài hạn	494	504	-2.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	425	433	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.21	0.21	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	69.3	70.6	-1.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	31.5	39.7	-20.6%
Nợ ngắn hạn	31.5	39.7	-20.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	5.04	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.46	5.68	-3.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	671	657	2.1%
Vốn chủ sở hữu	671	657	2.1%
Vốn điều lệ	320	320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

